

Số: 22/BC-UBND

Tân Mỹ, ngày 12 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình Ước thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023
và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thành phố Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND xã Tân Mỹ khoá XX kỳ họp thứ 2 nhiệm kỳ 2021-2026 về dự toán thu, chi và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước xã năm 2023; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023;

Thực hiện chỉ đạo của Đảng uỷ, Nghị quyết HĐND xã, UBND xã báo cáo kết quả tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cụ thể như sau:

A. THU NGÂN SÁCH: (Có biểu số 01 kèm theo).

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Tổng thu NSNN: Ước thực hiện 76.989.959.000 đồng, đạt 128,0% kế hoạch năm bằng 58,5% so với cùng kỳ.

1. Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện 546.200.000 đồng, đạt 113,08% kế hoạch năm và bằng 120,0% so với cùng kỳ. Trong đó:

1.1 Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện 105.000.000 đồng, đạt 100 % kế hoạch năm và bằng 100% so với cùng kỳ.

1.2 Lệ phí môn bài: Ước thực hiện 441.200.000 đồng, đạt 116,7 % kế hoạch năm và bằng 126,1% so với cùng kỳ.

2. Thuế GTGT: Ước thực hiện 3.668.024.000 đồng, đạt 333,5 % kế hoạch năm và bằng 203,8% so với cùng kỳ.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 785.064.000 đồng, đạt 127,4% kế hoạch năm và bằng 113,8% so với cùng kỳ. (bao gồm đất ở và đất hoạt động SXKD của DN).

4. Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 2.264.670.000 đồng, đạt 113,2% kế hoạch năm và bằng 61,2% so với cùng kỳ.

5. Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 63.615.069.000 đồng, đạt 127,2% kế hoạch năm và bằng 55,3% so với cùng kỳ.

6. Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 3.884.181.000 đồng, đạt 93,3% kế hoạch năm và bằng 46,8% so với cùng kỳ.

7. Thu khác ngân sách: Ước thực hiện 1.716.112.000 đồng, đạt 95,2% kế hoạch năm và bằng 109,0% so với cùng kỳ.

8. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 429.937.000 đồng và bằng 233,1% so với cùng kỳ.

9. Thuế tài nguyên: Ước thực hiện 4.238.000 đồng.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Ước thực hiện 76.464.000 đồng.

II. THU NGÂN SÁCH XÃ:

Ước thực hiện 28.091.527.000 đồng, đạt 175,6% kế hoạch và bằng 128,7% so với cùng kỳ.

1. Các khoản thu xã hưởng 100%:

Ước thực hiện 4.442.127.000 đồng, đạt 175,6 % kế hoạch năm và bằng 152,9% so với cùng kỳ.

1.1. Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện 105.000.000 đồng, đạt 100% kế hoạch năm và bằng 100 % so với cùng kỳ.

1.2. Thu khác ngân sách: Ước thực hiện 1.367.338.000 đồng, đạt 75,8 % kế hoạch năm và bằng 105,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

- *Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích:* Ước thực hiện 1.291.830.000 đồng, đạt 73,5 % kế hoạch năm.

- *Thu phạt khác và thu khác:* Ước thực hiện 75.508.000 đồng, đạt 167,8 % kế hoạch năm.

1.3. Thu chuyển nguồn: Ước thực hiện 2.834.005.000 đồng

1.4. Thu kết dư ngân sách: Ước thực hiện 135.784.000 đồng, đạt 100% kế hoạch năm và bằng 226,3 % so với cùng kỳ.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: Ước thực hiện 4.444.727.000 đồng, đạt 108,8% kế hoạch năm và bằng 80,7% so với cùng kỳ. Trong đó:

2.1 Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 1.609.518.000 đồng, đạt 105,3% kế hoạch năm và bằng 73,5 % so với cùng kỳ.

2.2 Thuế GTGT: Ước thực hiện 1.178.777.000 đồng, đạt 119,1 % kế hoạch năm và bằng 87,3% so với cùng kỳ.

2.3 Lệ phí môn bài: Ước thực hiện 405.080.000 đồng, đạt 115,7 % kế hoạch năm và bằng 115,7% so với cùng kỳ.

2.4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 785.064.000 đồng, đạt 127,4% kế hoạch năm và bằng 113,8% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Thuế SĐPNN thu tại xã ước thực hiện: 606.392.015 đồng.
- Thuế SĐPNN của các cơ sở SXKD và thu chuyên nhượng tại một cửa thành phố ước thực hiện: 178.671.985 đồng.

2.5. *Lệ phí trước bạ*: Ước thực hiện 464.470.000 đồng, đạt 77,4% kế hoạch năm và bằng 50,0% so với cùng kỳ.

2.6. *Thu tiền sử dụng đất*: Ước thực hiện 123.000 đồng.

2.7 *Thuế tài nguyên*: Ước thực hiện 1.695.000 đồng.

III. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN:

Ước thực hiện 19.204.673.000 đồng, đạt 273% kế hoạch.

1. **Thu bổ sung cân đối NS**: 1.633.000.000 đồng, đạt 100% kế hoạch.

2. **Thu bổ sung có mục tiêu**: 17.571.673.000 đồng, đạt 325,3% kế hoạch.

Trong đó:

- Bổ sung có mục tiêu hỗ trợ cho ngân sách xã thanh toán XDCB: 7.999.569.000 đồng.

- Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế và an sinh xã hội: 9.572.104.000 đồng.

B. CHI NGÂN SÁCH XÃ: (Có biểu số 02 kèm theo).

Ước thực hiện 26.460.608.000 đồng, đạt 165,4% kế hoạch năm và bằng 126,2% so với cùng kỳ.

I. CHI ĐẦU TƯ XDCB: (Có biểu số 03 kèm theo).

Ước thực hiện giá trị thanh toán cho đầu tư công năm 2023 là: 8.719.693.000 đồng đạt 182,8% kế hoạch năm và bằng 69,4% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi từ nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ theo các dự án là: 7.782.679.000 đồng.
- Chi thanh toán từ nguồn ngân sách xã số tiền : 937.014.000 đồng (*nguồn đất công ích và hoa lợi công sản của các dự án*).

1. Công tác đầu tư công năm 2023:

Có 04 công trình chuyển tiếp từ năm 2022 sang. Tổng mức đầu tư là 12.135.000.000 đồng. Trong đó, có 03 công trình được quyết toán tổng là : 9.461.448.000 đồng. Còn lại công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Đồng đã làm xong nhưng chưa quyết toán vì thông báo nghiệm thu của phòng Quản lý đô thị thành phố với số tiền: 1.800.000.000 đồng.

Tổng số vốn năm 2023 cho các công trình chuyển tiếp là :6.251.599.000 đồng (Nguồn ngân sách xã), trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách thành phố hỗ trợ cho ngân sách xã là: 5.850.679.000 đồng.
- Vốn ngân sách xã: 400.921.000 đồng. Trong đó:

+ Xây dựng nhà văn hóa thôn Phố xã Tân Mỹ: 250.060.000 đồng theo QĐ số 155/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 về việc bổ sung vốn đầu tư XD CB ngân sách xã năm 2023 được trích từ nguồn thu hoa lợi công sản, đất công ích năm 2022 chuyển nguồn sang 2023.

+ Xây dựng nhà văn hóa thôn Miếu xã Tân Mỹ: 100.000.000 đồng theo QĐ số 259/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 về việc bổ sung vốn đầu tư XD CB ngân sách xã năm 2023 được trích từ nguồn thu hoa lợi công sản, đất công ích trên địa bàn xã năm 2023.

+ Cải tạo, nâng cấp sân thể thao thôn Mỹ Cầu: 50.861.000 đồng theo QĐ số 155/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 về việc bổ sung vốn đầu tư XD CB ngân sách xã năm 2023 được trích từ nguồn thu hoa lợi công sản, đất công ích trên địa bàn xã năm 2023.

Thanh toán từ nguồn vốn đóng góp của nhân dân là: 195.000.000 đồng. Nguồn này được ghi thu vào ngân sách xã năm 2023.

2. Công trình đầu tư năm 2023:

Năm 2023, UBND xã Tân Mỹ có 03 công trình, trong đó có 01 công trình: Xây dựng nhà văn hóa thôn Ba, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang đã thi công nhưng chưa hoàn thành quyết toán. Tổng số khối lượng ước thực hiện đến 31/12/2023: 1.932.000.000 đồng (*nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ ngân sách xã*). Còn công trình là: Xây dựng nhà văn hóa thôn Tụ, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang chưa có mặt bằng thi công. Đề nghị chuyển tiếp công trình này theo dõi nguồn vốn đầu tư công năm 2024.

3. Thanh toán trả nợ các công trình đầu tư công từ năm 2018-2022.

Tổng giá trị thanh toán: 536.094.000 đồng từ nguồn ngân sách xã cho 05 công trình.

II. CHI THƯỜNG XUYÊN:

Ước thực hiện: 17.740.915.000 đồng, đạt 159,71% kế hoạch năm và bằng 229,4% so với cùng kỳ.

1. Chi Quốc phòng - An ninh: Ước thực hiện 655.700.000 đồng, đạt 100% kế hoạch năm và bằng 135,4% so với cùng kỳ. Trong đó:

1.1. Chi Quốc phòng: Ước thực hiện 369.500.000 đồng, đạt 100% kế hoạch năm và bằng 95,6% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện chi trả phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp Đặc thù, phụ cấp thâm niên, phụ cấp chức vụ. Chi huấn luyện dân quân và chi các hoạt động quốc phòng theo kế hoạch.

1.2. Chi an ninh: Ước thực hiện 286.200.000 đồng, đạt 100% kế hoạch năm và bằng 292,6% so với cùng kỳ. Chi hỗ trợ đội trưởng, đội phó đội dân phòng, chi trả phụ cấp công an viên và chi đảm bảo công tác an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Ước thực hiện 360.000.000 đồng, đạt 99,4% kế hoạch và bằng 129,1% so với cùng kỳ. Trong đó:

2.1. *Chi hoạt động văn hóa thông tin:* Ước thực hiện 295.000.000 đồng, đạt 99,3% kế hoạch và bằng 150,7% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện chi tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, rà soát gia đình văn hóa, hộ nghèo, hộ cận nghèo. Chi trang trí khánh tiết, tuyên truyền phục vụ các ngày lễ lớn trên địa bàn xã. Chi công tác chuyển đổi số, hỗ trợ lắp mạng Wifi tại các nhà văn hóa 11 thôn.

2.2. *Hỗ trợ mua sắm thiết chế văn hóa các thôn:* Ước thực hiện 65.000.000 đồng, đạt 100% kế hoạch năm và bằng 53,4% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện mua sắm thiết chế và hỗ trợ kinh phí hoạt động nhà sinh hoạt văn hóa các thôn trong toàn xã.

3. Chi sự nghiệp đài phát thanh: Ước thực hiện 66.600.000 đồng, đạt 100% kế hoạch năm và bằng 53,5% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện chi tiền nhuận bút làm tin bài và mua bổ sung trang thiết bị chuyên dụng, sửa chữa hệ thống đài phát thanh xã.

4. Chi sự nghiệp TDTT: Ước thực hiện 92.500.000 đồng, đạt 99,6% kế hoạch năm và bằng 127,5% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện chi tổ chức hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn xã.

5. Chi sự nghiệp kinh tế:

Ước thực hiện 9.169.185.000 đồng, đạt 328,1% kế hoạch năm và bằng 3.609,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi từ nguồn vốn sự nghiệp năm 2023 của thành phố hỗ trợ công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh thoát nước trên địa bàn xã số tiền: 8.699.978.000 đồng.

- Chi thanh toán sửa chữa rãnh thoát nước thôn Giếng với số tiền là 83.476.000 đồng.

- Chi thanh toán sửa chữa đường vào thôn đoạn đầu đình thôn Tân Phương với số tiền là 99.989.000 đồng.

- Chi thanh toán sửa chữa công trình cộng đồng - Điểm ngoài thôn Đông Lý, xã Tân Mỹ số tiền là 99.944.000 đồng.

- Ngoài ra, chi công tác khuyến nông như mua thuốc diệt chuột, tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật. Chi công tác thú y như tiêm phòng, phun hóa chất phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm.

6. Chi sự nghiệp xã hội:

Ước thực hiện 439.405.000 đồng, đạt 100,9% kế hoạch năm và bằng 99,2% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp hưu, chi mua BHYT cho các đối tượng hưu xã. Chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi dịp tết Nguyên Đán và chi đảm bảo xã hội trên địa bàn.

7. Chi quản lý hành chính:

Ước thực hiện: 6.085.585.000 đồng, đạt 107,3% kế hoạch năm và bằng 106,6% so với cùng kỳ. Kinh phí chủ yếu chi phục vụ cho con người và chi hoạt động các ban ngành (Đảng, Nhà nước, Đoàn thể, HĐND) theo kế hoạch. Cụ thể:

7.1. *Đảng*: Ước thực hiện 689.513.000 đồng, đạt 97,2% kế hoạch và bằng 98,1% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi lương, phụ cấp, bảo hiểm cán bộ và hoạt động thường xuyên của Đảng .

7.2. *HĐND xã*: Ước thực hiện 226.226.000 đồng, đạt 96,8% kế hoạch năm và bằng 66,6% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi phụ cấp đại biểu HĐND, bảo hiểm và hoạt động thường xuyên của HĐND xã.

7.3. *Quản lý Nhà nước*: Ước thực hiện 4.055.352.000 đồng, đạt 111,5% kế hoạch năm và bằng 112,1% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện chi lương, phụ cấp, bảo hiểm và hoạt động thường xuyên của quản lý nhà nước.

7.4. *Mặt trận tổ quốc*: Ước thực hiện 384.324.000 đồng, đạt 106,3,7% kế hoạch và bằng 120,2% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi lương, phụ cấp bảo hiểm, chi phụ cấp trưởng ban MTTQ thôn, chi tổ chức ngày hội đoàn kết toàn dân, chi hoạt động ban thanh tra nhân dân và giám sát cộng đồng. Chi các hoạt động thường xuyên của mặt trận tổ quốc theo kế hoạch.

7.5. *Đoàn thanh niên*: Ước thực hiện 162.718.000 đồng, đạt 100,8% kế hoạch và bằng 88,3% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi lương, phụ cấp bảo hiểm, phụ cấp phó bí thư đoàn xã và các bí thư cho đoàn thôn. Chi các hoạt động của đoàn thanh niên xã theo kế hoạch.

7.6. *Hội liên hiệp phụ nữ*: Ước thực hiện 135.386.000 đồng, đạt 97,3% kế hoạch và bằng 108,6% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi lương, phụ cấp, bảo hiểm, chi phụ cấp cho phó chủ tịch hội, chi hội trưởng hội phụ nữ của thôn. Chi các hoạt động thường xuyên của hội theo kế hoạch.

7.7. *Hội cựu chiến binh*: Ước thực hiện 124.992.000 đồng, đạt 104,4 % kế hoạch và bằng 68,3% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi lương, phụ cấp cho phó chủ tịch hội, chi hội trưởng hội CCB của thôn. Chi các hoạt động thường xuyên của hội theo kế hoạch.

7.8. *Hội nông dân*: Ước thực hiện 207.449.000 đồng, đạt 100,6 % kế hoạch và bằng 141,2% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi lương, phụ cấp, bảo hiểm, chi phụ cấp cho phó chủ tịch hội, chi hội trưởng hội ND của thôn. Chi các hoạt động thường xuyên của hội theo kế hoạch.

7.9. *Hội chữ thập đỏ*: Ước thực hiện 23.450.000 đồng, đạt 99,2 % kế hoạch và bằng 105,9% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi phụ cấp cho chủ tịch hội và chi hoạt động thường xuyên của hội theo kế hoạch.

7.10. *Hội người cao tuổi*: Ước thực hiện 76.175.000 đồng, đạt 105,98 % kế hoạch và bằng 107,8% so với cùng kỳ. Kinh phí thực hiện để chi phụ cấp cho chủ tịch, phó chủ tịch, chi hội trưởng chi hội người cao tuổi và chi hoạt động thường xuyên của hội theo kế hoạch.

8. Chi khác ngân sách: Ước thực hiện 23.940.000 đồng, đạt 99,8 % kế hoạch và bằng 6,6% so với cùng kỳ. Thực hiện chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội không được phân bổ dự toán.

9. Chi hoàn trả nguồn CCTL năm 2019-2021: 848.000.000 đồng để hoàn trả nguồn cải cách tiền lương theo Kết luận số 923/KL-TTr của Thanh tra Bộ Tài chính;

III. CHI DỰ PHÒNG: 0 đồng.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

I. THU NGÂN SÁCH:

- Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Thành uỷ - HĐND – UBND thành phố và các phòng, ngành chuyên môn của thành phố.

- Công tác thu NSNN trên địa bàn luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Đảng uỷ, HĐND xã.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng uỷ, HĐND và sự điều hành của UBND ngày càng sâu sát, đã kịp thời giải quyết mọi khó khăn vướng mắc của các tổ chức cũng như cá nhân hộ nộp thuế.

- Có sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ giữa UBND xã với đội thuế, các ban ngành đoàn thể, các thôn trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện.

- Thu Ngân sách Nhà nước ước thực hiện: 76.989.959.000 đồng, đạt 128,1% kế hoạch năm. Có 6/8 chỉ tiêu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao như: Thuế giá trị gia tăng đạt 333,5 %; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 127,4%; lệ phí môn bài đạt 116,7 %; lệ phí trước bạ đạt 113,2%; thu tiền sử dụng đất đạt 127 và phí, lệ phí đạt 100 %. Trong đó có 02 chỉ tiêu chưa đạt là thu khác ngân sách đạt 95,2% và thuế thu nhập cá nhân đạt 93,3%.

1. Ưu điểm:

- Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Thành uỷ - HĐND – UBND thành phố và các phòng, ngành chuyên môn của thành phố.

- Công tác thu NSNN trên địa bàn luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Đảng uỷ, HĐND xã.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng uỷ, HĐND và sự điều hành của UBND ngày càng sâu sát, đã kịp thời giải quyết mọi khó khăn vướng mắc của các tổ chức cũng như cá nhân hộ nộp thuế.

- Có sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ giữa UBND xã với đội thuế, các ban ngành đoàn thể, các thôn trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện.

- Thu ngân sách xã năm 2023 ước thực hiện đạt 175,6% so với KH năm, nhiều khoản thu hoàn thành và vượt kế hoạch giao như: thu khác đạt 167,8%; Thuế thu nhập cá nhân đạt 105,3%; Thuế GTGT đạt 119,1%; Lệ phí môn bài đạt 115,7%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 127,4%, phí, lệ phí đạt 100%.

2. Hạn chế, nguyên nhân

- Một số chỉ tiêu thu ngân sách chưa hoàn thành kế hoạch giao như: thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích 73,5%; Lệ phí trước bạ đạt 77,4%;

- Trong bối cảnh kinh tế chịu nhiều tác động bất lợi, khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng, chậm phục hồi đầu giá quyền sử dụng đất không đạt kế hoạch giao dẫn đến nhiều loại thuế, phí không hoàn thành kế hoạch.

II. CHI NGÂN SÁCH:

Công tác quản lý tài chính đã được quan tâm chỉ đạo, chú trọng bảo đảm quy định của pháp luật, chủ động điều hành ngân sách năm 2023. Chi ngân sách đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng ngành, từng lĩnh vực, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn. Các nhiệm vụ chi đã bám sát dự toán được giao, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chính trị, đảm bảo công tác an sinh xã hội. Thực hiện đúng luật ngân sách và thực hiện tiết kiệm chi chống lãng phí.

Công tác điều hành chi ngân sách cơ bản bám sát dự toán chi theo Nghị quyết của HĐND, việc sử dụng kinh phí của các ban ngành, đơn vị cơ bản tiết kiệm, chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Luật NSNN.

Thực hiện nghiêm quy định Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn quy định về quản lý vốn đầu tư, xử lý nợ đọng XDCCB theo thể hoạch.

III. TỒN TẠI:

Một số nhiệm vụ chi ngân sách mới phát sinh chưa có hướng dẫn chi; một số chỉ tiêu thu ngân sách chưa hoàn thành nên ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành ngân sách.

D. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC CỦA XÃ:

(Có biểu số 07 kèm theo).

1. Quỹ đền ơn đáp nghĩa: Ước thực hiện 39.460.000 đồng/ 47.400.000 đồng, đạt tỉ lệ 83,2% kế hoạch.

2. Quỹ bảo trợ trẻ em: Ước thực hiện 18.704.000 đồng/ 23.700.000 đồng đạt tỉ lệ 78,9% kế hoạch.

3. Quỹ Vì người nghèo: Ước thực hiện 75.730.000 đồng/ 188.750.000 đồng đạt tỉ lệ 40,1% kế hoạch.

4. Quỹ nhân đạo: Ước thực hiện 23.885.000 đồng/ 36.570.000 đồng đạt tỉ lệ 65,3% kế hoạch.

5. Thu gom vận chuyển, xử lý rác thải: Ước thực hiện 792.230.000 đồng /920.490.000 đồng đạt 86,1% kế hoạch.

6. Quỹ Phòng chống thiên tai: Ước thực hiện 23.665.000 đồng/ 28.200.000 đồng đạt tỉ lệ 83,9% kế hoạch.

Phần thứ hai

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2023 của UBND thành phố Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

UBND xã xây dựng và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024 như sau:

A. THU NGÂN SÁCH : (Có biểu số 08 kèm theo)

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	258.447.000.000 đồng
1. Thu phí, lệ phí:	
Trong đó:	359.000.000 đồng.
-Phí, lệ phí: 90.000.000 đồng	
-Lệ phí môn bài: 269.000.000 đồng	
2. Thuế giá trị gia tăng:	1.350.000.000 đồng.
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	755.000.000 đồng.
4. Lệ phí trước bạ:	2.300.000.000 đồng.
5. Thu tiền sử dụng đất:	250.000.000.000 đồng.
6. Thuế thu nhập cá nhân:	3.138.000.000 đồng.
7. Thu khác ngân sách:	575.000.000 đồng.
(Thu tiền hoa lợi công sản và thu khác NS)	
II. THU NGÂN SÁCH XÃ: (1+2+3+4+5)	9.099.319.000 đồng.
1. Các khoản thu xã hưởng 100%:	665.000.000 đồng.
1.2. Thu phí, lệ phí:	90.000.000 đồng.
1.3. Thu khác ngân sách:	575.000.000 đồng.
(Thu tiền hoa lợi công sản và thu khác NS)	
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %:	4.049.000.000 đồng.
2.1. Lệ phí môn bài:	242.000.000 đồng.
2.2. Lệ phí trước bạ:	690.000.000 đồng.
2.3. Thu tiền sử dụng đất:	0 đồng.
2.4. Thuế Giá trị gia tăng:	1.215.000.000 đồng.
2.5. Thuế thu nhập cá nhân:	1.147.000.000 đồng.
2.6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	755.000.000 đồng.
3. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ	810.000.000 đồng.
1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng	

4. Kết dư và chuyển nguồn ngân sách :	1.744.319.000 đồng.
5. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	1.831.000.000 đồng.
5.1. Bổ sung cân đối từ NS cấp trên:	1.342.000.000 đồng.
5.2. Thu bổ sung có mục tiêu:	489.000.000 đồng.

B. CHI NGÂN SÁCH XÃ: (Có biểu số 09,10 kèm theo)

Tổng chi ngân sách xã: (I+II+III)= 9.099.319.000 đồng.

I. CHI ĐẦU TƯ XDCB: 1.692.319.000 đồng.

II. CHI THƯỜNG XUYÊN: 7.203.000.000 đồng.

1. Chi công tác Quốc phòng - An ninh trật tự: 647.000.000 đồng.

1.1. Chi Quốc phòng: 383.800.000 đồng.

Kinh phí thực hiện chi phụ cấp dân quân, huấn luyện dân quân, hỗ trợ kinh phí cho Ban chỉ huy quân sự xã thực hiện công tác quốc phòng địa phương, bảo đảm chế độ chính sách cho công dân trong thời gian đăng ký, sơ tuyển, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự và các nội dung khác theo Luật Dân quân tự vệ.

1.2. Chi an ninh trật tự: 263.200.000 đồng. Trong đó:

- Chi hoạt động ANTT: 88.200.000 đồng. Kinh phí thực hiện chi trả phụ cấp công an viên và chi đảm bảo công tác an ninh trật tự trên địa bàn

- Chi hỗ trợ đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo NQ số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang: 175.000.000 đồng.

2. Chi sự nghiệp VH TT: 199.000.000 đồng.

3. Chi sự nghiệp đài truyền thanh: 68.000.000 đồng. Kinh phí thực hiện chi tiền nhuận bút, tin bài, chi sửa chữa, nâng cấp và bổ sung trang thiết bị, chi tuyên truyền, hoạt động của đài truyền thanh theo kế hoạch.

4. Chi sự nghiệp TDTT: 74.000.000 đồng

Chi hoạt động chuyên môn và hỗ trợ các phong trào thể dục thể thao trên địa bàn theo kế hoạch.

5. Chi sự nghiệp kinh tế: 347.000.000 đồng.

Chi công tác khuyến nông; phòng trừ dịch bệnh và hỗ trợ kinh phí hoạt động sự nghiệp nông nghiệp, chi sự nghiệp thị chính.

6. Sự nghiệp môi trường: 138.569.000 đồng. Kinh phí thực hiện vệ sinh môi trường trên địa bàn xã.

7. Chi sự nghiệp xã hội: 459.000.000 đồng.

Chi đảm bảo trợ cấp lương hưu xã, mua BHYT, công tác nghĩa trang; mừng thọ, chúc thọ cho các đối tượng chính sách theo quy định và thực hiện chính sách xã hội khác.

8. Chi quản lý hành chính: 5.108.000.000 đồng.

8.1. *Đảng:* 153.400.000 đồng. Chi phụ cấp cấp ủy đảng, kinh phí hoạt động thường xuyên của Đảng.

8.2. *Hội đồng nhân dân:* 213.000.000 đồng. Chi phụ cấp Đại biểu HĐND và kinh phí hoạt động thường xuyên của HĐND xã.

8.3. *Quản lý nhà nước:* 4.568.600.000 đồng. Chi lương cán bộ, phụ cấp, kinh phí hoạt động thường xuyên của cán bộ, công chức, bán chuyên, không chuyên trách, cán bộ hợp đồng và bảo hiểm. Chi các hoạt động thường xuyên và các nhiệm vụ đột xuất khác.

* Đoàn thể: 173.000.000 đồng.

Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên của khối đoàn thể (bao gồm: MTTQ; các đoàn thể và tổ chức Chính trị xã hội).

8.4 *Mặt trận tổ quốc:* 104.140.000 đồng.

8.5. *Đoàn TNCSHCM:* 20.890.000 đồng.

8.6. *Hội Liên hiệp phụ nữ:* 10.890.000 đồng.

8.7. *Hội Cựu chiến binh:* 10.890.000 đồng.

8.8. *Hội Nông dân:* 10.890.000 đồng.

8.9. *Hội Chữ thập đỏ:* 7.650.000 đồng.

8.10. *Hội Người cao tuổi:* 7.650.000 đồng.

9. Chi khác ngân sách: 24.000.000 đồng. Để chi hỗ trợ ngày khai giảng năm học của 3 trường; ngày thầy thuốc Việt Nam; và các tổ chức chính trị xã hội không được phân bổ dự toán.

10. Chi nguồn cải cách tiền lương: 250.000.000 đồng để chi điều chỉnh lương, phụ cấp theo quy định.

III. CHI DỰ PHÒNG: 204.000.000 đồng.

C. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024:

I. THU NGÂN SÁCH:

1. Tập trung cao sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của MTTQ và các đoàn thể nhân dân các cấp trong tổ chức thực hiện kế hoạch, xác định nhiệm vụ thu ngân sách là một nhiệm vụ trọng tâm, có kế hoạch phân kỳ cụ thể, định kỳ đánh giá tiến độ thực hiện và có biện pháp chỉ đạo cụ thể kịp thời.

2. Tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân, các hội viên, đoàn viên tự giác thu nộp các khoản thuế, phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục duy trì, thực hiện tốt phối kết hợp giữa Chi cục thuế với các ngành và bộ phận thực hiện thu ngân sách nhà nước, tăng cường kiểm tra, rà

soát các hộ kinh doanh trên địa bàn. Các tổ chức chính trị - xã hội từ xã đến thôn để tập trung chỉ đạo thu triệt để các nguồn.

4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, kịp thời hỗ trợ giải đáp khó khăn vướng mắc của người nộp thuế.

5. Thực hiện công tác phân tích, dự báo đánh giá những tác động ảnh hưởng tới thu ngân sách, nhằm phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo điều hành thu ngân sách.

II. CHI NGÂN SÁCH:

1. Tổ chức thực hiện quản lý điều hành ngân sách theo quy định của Luật ngân sách và Nghị quyết của HĐND xã; đảm bảo nguồn kinh phí chi trả, thanh toán kịp thời, đúng tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo quy định và kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Quan tâm các công trình chuyển tiếp thanh toán, giải ngân vốn kịp thời.

3. Chủ động tổ chức thực hiện chi đầu tư XDCB theo kế hoạch giao đầu năm.

4. Chi tiêu thực sự tiết kiệm, đúng chế độ, đúng tiêu chuẩn, chi đúng dự toán và thực hiện chi theo tiến độ thu ngân sách.

5. Tập trung ưu tiên chi lương và các khoản sinh hoạt phí, phụ cấp cho cán bộ, thực hiện chế độ công khai về tài chính theo quy định.

6. Duy trì tốt chế độ thông tin báo cáo; chế độ công khai Dự toán, Quyết toán ngân sách theo quy định.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã và đại biểu dự kỳ họp 8 HĐND xã khóa XX;
- Lưu: VT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Quân

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 12/12/2023)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		ƯỚC TH NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	60.167.000	15.997.154	76.989.959	28.091.527	128,0	175,6
A	Thu ngân sách đã qua Kho bạc	60.167.000	15.997.154	76.989.959	28.091.527	128,0	175,6
I	Các khoản thu 100%	1.908.000	4.877.789	1.821.112	4.442.127	95,4	91,1
1	Thu phí, lệ phí	105.000	105.000	105.000	105.000	100,0	100,0
2	Thu khác ngân sách	1.803.000	1.803.000	1.716.112	1.367.338	95,2	75,8
+	<i>Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích</i>	<i>1.758.000</i>	<i>1.758.000</i>	<i>1.291.830</i>	<i>1.291.830</i>	<i>73,5</i>	<i>73,5</i>
+	<i>Thu phạt vi phạm ATGT</i>						
+	<i>Thu phạt khác và thu khác</i>	<i>45.000</i>	<i>45.000</i>	<i>424.282</i>	<i>75.508</i>		<i>167,8</i>
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang năm 2023		2.834.005		2.834.005		100,0
4	Thu kết dư ngân sách		135.784		135.784		100,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	58.259.000	4.085.000	75.168.847	4.444.727	129,0	108,8
1	Thuế thu nhập cá nhân	4.165.000	1.529.000	3.884.181	1.609.518	93,3	105,3
2	Thuế giá trị gia tăng	1.100.000	990.000	3.668.024	1.178.777	333,5	119,1
3	Lệ phí môn bài của tổ chức cá nhân hoạt động SXKD	378.000	350.000	441.200	405.080	116,7	115,7
4	Thuế SDD phi nông nghiệp	616.000	616.000	785.064	785.064	127,4	127,4
5	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.000.000	600.000	2.264.670	464.470	113,2	77,4
6	Thu tiền sử dụng đất	50.000.000		63.615.069	123	127,2	
7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			429.937			
8	Thuế tài nguyên	0		4.238	1.695		
9	Thuế thu nhập doanh nghiệp			76.464			
10	Thu phạt hành chính - Trật tự ATGT						
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		7.034.365	0	19.204.673		273,0
1	Thu BSCĐ từ ngân sách cấp trên		1.633.000		1.633.000		100,0
2	Thu BS có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		5.401.365		17.571.673		325,3
-	<i>Bổ sung có mục tiêu hỗ trợ NSX chi trả nợ XDCB</i>		<i>2.429.845</i>	<i>0</i>	<i>7.999.569</i>		
-	<i>Bổ sung có mục tiêu hỗ trợ NSX chi các nhiệm vụ thường xuyên</i>		<i>2.971.520</i>		<i>9.572.104</i>		

BÁO CÁO

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: 228/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện 2023	So sánh	
				TH/DT (%)	TH/CK (%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	15.997.154	26.460.608	165,4	130,4
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB:	4.770.634	8.719.693	182,8	69,4
II	CHI THƯỜNG XUYÊN:	11.109.520	17.740.915	159,7	229,4
1	Chi công tác Quốc phòng- ANTT	655.700	655.700	100,0	135,4
1.1	Chi quốc phòng	369.500	369.500	100,0	95,6
1.2	Chi An ninh trật tự	286.200	286.200	100,0	292,6
2	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	362.100	360.000	99,4	129,1
2.1	Chi hoạt động văn hóa thông tin	297.100	295.000	99,3	150,7
2.2	Hỗ trợ mua sắm thiết chế các nhà văn hóa	65.000	65.000	100,0	78,3
3	Chi đài truyền thanh xã	66.600	66.600	100,0	53,4
4	Chi sự nghiệp TDTT	92.900	92.500	99,6	127,5
5	Chi sự nghiệp kinh tế	2.794.274	9.169.185	328,1	3.609,9
5.1	Sự nghiệp nông nghiệp	64.274	64.000	99,6	128,0
5.2	Sự nghiệp Nông nghiệp- thủy lợi - sửa chữa đường bê tông ngõ xóm	230.000	306.358	133,2	150,2
5.3	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	2.500.000	8.798.827	352,0	
6	Chi sự nghiệp xã hội	435.575	439.405	100,9	99,2
6.1	Trợ cấp lương hưu xã và 4,5% BHYT	367.067	346.540	94,4	101,1
6.2	Chi đảm bảo XH	68.508	92.865	135,6	92,9
7	Chi quản lý hành chính	5.663.471	6.085.585	107,5	106,6
7.1	Đảng cộng sản Việt Nam	709.120	689.513	97,2	98,1
-	Lương và phụ cấp cán bộ, bí thư, phó bí thư	502.660	483.083	96,1	
-	Kinh phí hoạt động của UBKT	6.000	6.000	100,0	
-	Hỗ trợ công tác Đảng (Theo QĐ 99 của BCH TW Đảng)	200.460	200.430	100,0	
+	Phụ cấp Cấp uỷ	83.460	83.430	100,0	
+	Hỗ trợ hoạt động thường xuyên..	117.000	117.000	100,0	
7.2	Hội đồng nhân dân	233.619	226.226	96,8	66,6
-	Phụ cấp, bảo hiểm đại biểu HĐND	166.619	159.412	95,7	
-	Chi hoạt động của HĐND xã	67.000	66.814	99,7	
7.1	Quản lý nhà nước	3.636.932	4.055.352	111,5	112,1
-	Lương, phụ cấp CBCC, CB bán chuyên, không chuyên trách .cán bộ hợp đồng, bảo hiểm	2.641.432	2.775.313	105,1	
-	Chi hoạt động quản lý hành chính, thường xuyên	995.500	1.280.039	128,6	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN MỸ**

Biểu số 03

BIỂU TỔNG HỢP ƯỚC THỰC HIỆN KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 12/12/2023)

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Giá trị quyết toán hoặc khối lượng thực hiện đến 12/2023	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ KC đến 12/2022	Nguồn vốn đã thanh toán năm 2023				Thanh toán từ nguồn vốn ND đóng góp	Ghi chú
					Tổng số	Vốn NSTP (Hỗ trợ)	Vốn NSX từ nguồn	8		
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10	
	Tổng cộng	20.535.000	13.261.448	6.735.000	8.719.693	7.782.679	937.014	195.000		
I	Công trình chuyển tiếp	12.135.000	11.261.448	4.803.000	6.251.599	5.850.679	400.920	195.000		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phó xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	4.000.000	3.825.060	2.900.000	850.059	600.000	250.059	75.000	Đã QT	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Miếu xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	3.700.000	3.619.162	103.000	3.434.314	3.334.314	100.000	70.000	Đã QT	
3	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Đồng xã Tân Mỹ	2.285.000	1.800.000	1.800.000	-	-	-	-	Chưa QT	
4	Cải tạo, nâng cấp sân thể thao thôn Mỹ Cầu	2.150.000	2.017.226	-	1.967.226	1.916.365	50.861	50.000	Đã QT	
II	Công trình đầu tư năm 2023	8.400.000	2.000.000	1.932.000	1.932.000	1.932.000	-	-		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Ba xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	3.700.000	2.000.000	1.932.000	1.932.000	1.932.000	-	-	Chưa QT	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tự xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	3.700.000	-	-	-	-	-	-	Đang thi công	
III	Thanh toán trả nợ XDCB 2018-2022	10.041.032	9.433.391	9.291.298	536.094	0	536.094	-		
1	Các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Đông Lý	1.659.015	1.611.836	1.605.466	6.370	-	6.370	-	Đã QT	
2	Khuôn viên thôn Giếng sau trụ sở UBND xã	1.893.147	1.678.857	1.678.850	7.000	-	7.000	-	Đã QT	
3	Nhà da nung thôn Đồng, xã Tân Mỹ	1.152.157	1.129.255	1.122.755	6.500	-	6.500	-	Đã QT	
4	Xây dựng nhà da nung và công trình phụ trợ trường THCS Tân Mỹ	4.586.415	4.276.341	4.273.233	390.187	-	390.187	-	Đã QT	
5	Cải tạo ao góc thôn Đông Lý, xã Tân Mỹ	750.298	737.102	610.994	126.037	-	126.037	-	Đã QT	

BỔ SUNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TT/-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã Tân Mỹ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Bổ sung	Dự toán năm 2023 sau bổ sung
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	60.167.000		60.167.000
1	Thu phí, lệ phí	483.000		483.000
-	<i>Thu phí, lệ phí</i>	<i>105.000</i>		<i>105.000</i>
-	<i>Thu lệ phí môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh</i>	<i>378.000</i>		<i>378.000</i>
2	Thuế Giá trị gia tăng	1.100.000		1.100.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	616.000		616.000
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	2.000.000		2.000.000
5	Thu tiền sử dụng đất	50.000.000		50.000.000
6	Thuế thu nhập cá nhân	4.165.000		4.165.000
7	Thu khác (biện pháp thu tài chính...)	1.803.000		1.803.000
-	<i>Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản</i>	<i>1.758.000</i>		<i>1.758.000</i>
-	<i>Thu phạt hành chính - thu khác</i>	<i>45.000</i>		<i>45.000</i>
B	THU NGÂN SÁCH XÃ	15.997.154	10.537.308	26.534.462
I	Các khoản thu xã hưởng 100%:	4.877.789	0	4.877.789
1	Thu phí, lệ phí	105.000		105.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	1.758.000		1.758.000
3	Thu phạt hành chính - thu khác	45.000		45.000
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang 2023	2.834.005		2.834.005
5	Thu kết dư ngân sách	135.784		135.784
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %:	4.085.000		4.085.000
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	616.000		616.000
2	Lệ phí môn bài	350.000		350.000
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	600.000		600.000
4	Thuế Giá trị gia tăng	990.000		990.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.529.000		1.529.000
III	Bổ sung cân đối từ NS cấp trên	7.034.365	10.537.308	17.571.673
1	Bổ sung cân đối từ NS cấp trên	1.633.000		1.633.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	5.401.365	10.537.308	15.938.673

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Bổ sung	Dự toán năm 2023 sau bổ sung
	Cấp kinh phí để hoàn trả nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo kiến nghị của Thanh tra bộ tài chính tại Lết luận số 923/KL -TTr ngày 07/9/2023 theo QĐ số 732 ngày 5/9/2023		282.000	282.000
	Cấp kinh phí quyết toán công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước theo QĐ số 3761 ngày 8/9/2023		6.199.978	6.199.978
	Kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thành phố Bắc Giang-Xây dựng NVH thôn Ba 2.000.000.000 đồng NVH thôn Phố:600.000 đồng Cải tạo, nâng cấp Sân thể thao Mỹ Cầu: 1.916.365.000 đồng- theo QĐ số 2705 ngày 04/7/2023		453.520	453.520
	Cấp kinh phí hỗ trợ các thôn tổ chức Trung thu theo QĐ số 3762 ngày 8/9/2023		22.000	22.000
	Kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thành phố Bắc Giang-Xây dựng NVH thôn Miếu- theo QĐ số 4654 ngày 31/10/2023		2.438.204	2.438.204
	Cấp KP cho UBND xác xã để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 đợt 2 _ CTMTQG 00497- theo QĐ số 4655 ngày 31/10/2023		60.000	60.000
	Cấp kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 cho UBND xã- Cứng hóa đường giao thông nội đồng khu vực cửa Đình đến giáp đường Trần Hưng Đạo và Cứng hóa đường giao thông nội đồng từ đường trục chính thôn Lò đến cuối đồng Đám Mọc theo QĐ số 4773 ngày 10/11/2023		1.045.000	1.045.000
	Cấp kinh phí hỗ trợ UBND xã thực hiện nâng cấp hệ thống mạng Internet, Wifi theo QĐ số 4954 ngày ngày 17/11/2023		36.606	36.606

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã Tân Mỹ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Bổ sung	Dự toán năm 2023 sau bổ sung
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (I+II)		15.997.154	11.258.008	26.534.462
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB:	4.770.634	3.884.125	8.654.759
1	Nguồn NS thành phố hỗ trợ cho NSX	2.516.365	3.483.204	5.999.569
1.1	Xây dựng NVH thôn Miếu		2.438.204	2.438.204
1.2	Cứng hóa đường giao thông nội đồng khu vực cửa Đình đến giáp đường Trần Hưng Đạo		495.000	495.000
1.3	Cứng hóa đường giao thông nội đồng từ đường trục chính thôn Lò đến cuối đồng Đám Mọc		550.000	550.000
2	Nguồn ngân sách xã đầu tư giai đoạn 2020-2023	2.254.269	400.921	2.655.190
1.1	Xây dựng NVH thôn Miếu		100.000	100.000
1.4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phở		250.060	250.060
1.5	Cài tạo, nâng cấp sân thể thao thôn Mỹ Cầu		50.861	50.861
II	CHI THƯỜNG XUYÊN:	11.109.520	7.373.883	17.762.703
1	Chi công tác Quốc phòng- An ninh trật tự	655.700	0	0
1.1	Chi Quốc phòng	369.500		
1.2	Chi an ninh trật tự	286.200		
2	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	362.100	117.212	414.312
1.1	Chi hoạt động văn hóa thông tin	297.100	58.606	355.706
1.2	Hỗ trợ mua sắm thiết chế các nhà văn hóa	65.000		
1.3	Chi tổ chức tết trung thu cho các cháu thiếu nhi tại cộng đồng		22.000	22.000
1.4	Chi nâng cấp hệ thống mạng Internet, Wifi		36.606	36.606
3	Chi sự nghiệp đài truyền thanh xã	66.600		66.600
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	92.900		92.900
5	Sự nghiệp kinh tế	2.794.274	6.199.978	8.994.252
5.1	Sự nghiệp Nông nghiệp	64.274		64.274
5.2	Sự nghiệp giao thông thủy lợi- sửa chữa đường bê tông ngõ xóm	230.000		230.000
5.3	Sự nghiệp kiến thiết thị chính (Cài tạo, nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước trên địa bàn xã)	2.500.000	6.199.978	8.699.978
6	Chi sự nghiệp xã hội	435.575	-	435.575
6.1	Trợ cấp lương hưu xã và 4,5% BHYT	367.067		367.067

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Bổ sung	Dự toán năm 2023 sau bổ sung
6.2	Chi đảm bảo XH	68.508		68.508
7	Chi quản lý hành chính	5.663.471	1.056.693	6.720.164
7.1	Đảng Công sản Việt Nam	709.120	26.353	735.473
7.2	Hội đồng nhân dân	233.619	36.774	270.393
7.3	Quản lý nhà nước	3.636.932	944.064	4.580.996
7.4	Mặt trận tổ quốc xã	361.640	10.800	372.440
7.5	Đoàn thanh niên Công sản	161.490	10.800	172.290
7.6	Hội liên hiệp phụ nữ	139.190	9.613	148.803
7.7	Hội cựu chiến binh Việt Nam	119.690	6.300	125.990
7.8	Hội nông dân việt Nam	206.190	11.989	218.179
7.9	Hội chữ thập đỏ	23.650		23.650
7.10	Hội người cao tuổi	71.950		71.950
8	Chi khác ngân sách	24.000		24.000
9	Kinh phí THCCTL (từ nguồn TK 10% chi TX ngân sách)	166.900		166.900
10	Chi trả nguồn cải cách tiền lương các năm 2019-2021	848.000		848.000
III	CHI DỰ PHÒNG:	117.000		117.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN MỸ

Biểu 06

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 XÃ TÂN MỸ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / 12 /2023 của UBND xã Tân Mỹ)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Tên công trình	Thời gian thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư			Cơ cấu nguồn vốn		Ghi chú
			Chủ đầu tư	Quy mô	Số tiền	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Nhân dân đóng góp và nguồn khác	
1	Sửa chữa Nhà văn hóa thôn Lò	2023-2024	UBND xã Tân Mỹ	Sửa chữa nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ	2.500.000	95% giá trị quyết toán, nhưng không quá 3,5 tỷ đồng	5% giá trị quyết toán công trình	
2	Cải tạo, nâng cấp Sân thể thao thôn Tân Phụng	2023-2024	UBND xã Tân Mỹ	Cải tạo, nâng cấp sân vận động	2.000.000	95% giá trị quyết toán, nhưng không quá 3,5 tỷ đồng	5% giá trị quyết toán công trình	
TỔNG CỘNG					4.500.000	-	-	

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC CỦA XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 228/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã)

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	Số dư năm 2022 chuyển sang	Chỉ tiêu giao năm 2023	Tổng số ước thu năm 2023	Tổng thu bao gồm cả số dư năm 2022	Tổng số ước chi năm 2023	Tổng tiền ước còn lại năm 2023	Đạt tỉ lệ %		Ghi chú
								Thu: 7=(3/2)*100	Chi: 8=5/4*100	
		1	2	3	4=1+3	5	6=4-5			
1	Hoạt động quỹ chuyên dùng	164.468.800	1.216.910.000	950.009.000	1.114.477.800	989.542.700	124.935.100			
1.1	- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	1.102.750	47.400.000	39.460.000	40.562.750	32.020.000	8.542.750	83,2		78,9
1.2	- Quỹ Bảo trợ trẻ em	26.094.050	23.700.000	18.704.000	44.798.050	11.352.700	33.445.350	78,9		25,3
1.3	- Quỹ vì người nghèo	126.392.000	188.750.000	75.730.000	202.122.000	139.040.000	63.082.000	40,1		68,8
1.4	- Quỹ nhân đạo	10.880.000	36.570.000	23.885.000	34.765.000	14.900.000	19.865.000	65,3		42,9
1.5	- Thu gom vận chuyển rác thải		920.490.000	792.230.000	792.230.000	792.230.000	0	86,1		100,0
2	Thu hộ	13.095.000	28.200.000	23.665.000	36.760.000	29.291.500	7.468.500			
2.1	- Quỹ phòng chống thiên tai	13.095.000	28.200.000	23.665.000	36.760.000	29.291.500	7.468.500	83,9		79,7
3	Chi hộ	169.341.896		168.460.615	337.802.511	287.479.000	50.323.511			
3.1	- 8% thù lao ủy nhiệm thu	44.341.896	50.000.000	48.460.615	92.802.511	92.479.000	323.511	96,9		99,7
3.2	- Nguồn đối ứng đóng góp của nhân dân XD	125.000.000		120.000.000	245.000.000	195.000.000	50.000.000			79,6
	Tổng cộng	346.905.696	1.245.110.000	1.142.134.615	1.489.040.311	1.306.313.200	182.727.111			87,7

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023)

ĐVT: 1.000 đồng.

TT	Nội dung	Ước thực hiện 2023		Dự toán 2024		So sánh%	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng số thu	76.989.959	28.091.527	258.477.000	9.099.319	335,7	32,4
I	Các khoản thu 100%	1.821.112	1.472.338	665.000	665.000	36,5	45,2
1.1	Phí, lệ phí	105.000	105.000	90.000	90.000	85,7	85,7
1.2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.716.112	1.367.338	575.000	575.000	33,5	42,1
-	Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích	1.291.830	1.291.830	575.000	575.000	44,5	44,5
-	Thu phạt khác và thu khác	424.282	75.508	-	-	0,0	0,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	75.168.847	4.444.727	257.812.000	4.049.000	343,0	91,1
2.1	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	441.200	405.080	269.000	242.000	61,0	59,7
2.2	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.264.670	464.470	2.300.000	690.000	101,6	148,6
2.3	Thu tiền sử dụng đất	63.615.069	123	250.000.000		393,0	0,0
2.4	Thuế giá trị gia tăng	3.668.024	1.178.777	1.350.000	1.215.000	36,8	103,1
2.5	Thuế thu nhập cá nhân	3.884.181	1.609.518	3.138.000	1.147.000	80,8	71,3
2.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	785.064	785.064	755.000	755.000	96,2	96,2
2.7	Thuế tài nguyên	4.238	1.695				
2.8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	429.937					
2.9	Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.464					
III	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng				810.000		28,6
IV	Chuyển nguồn ngân sách 2023 sang 2024		2.834.005		1.744.319		
V	Thu kết dư ngân sách		135.784				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		19.204.673	-	1.831.000		112,1
6.1	Thu bổ sung cân đối ngân sách		1.633.000		1.342.000		
6.2	Bổ sung có mục tiêu		17.571.673		489.000		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 228/BC-UBND ngày 12/12/2023 của UBND xã)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Năm 2023		So sánh		Dự toán năm 2024		
		Dự toán	Ước thực hiện	ƯTH/DT (%)	TH/CK (%)	Dự toán	DT2024/DT2023 (%)	DT2024/ƯTH2023 (%)
TỔNG CHI NGÂN SÁCH (I+II+III)		15.997.154	26.460.608	165,4	126,2	9.099.319	56,9	34,4
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB:	4.770.634	8.719.693	182,8	69,4	1.692.319	35,5	19,4
II	CHI THƯỜNG XUYÊN:	11.109.520	17.740.915	159,7	218,5	7.203.000	64,8	40,6
1	Chi công tác Quốc phòng-ANTT	655.700	655.700	100,0	135,4	647.000	98,7	98,7
1.1	Chi dân quân tự vệ	369.500	369.500	100,0	95,6	383.800	103,9	103,9
1.2	Chi an ninh trật tự	286.200	286.200	100,0	292,6	263.200	92,0	92,0
2	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	362.100	360.000	99,4	129,1	199.000	55,0	55,3
3	Chi sự nghiệp đài truyền thanh	66.600	66.600	100,0	53,4	68.000	102,1	102,1
4	Chi sự nghiệp TDTT	92.900	92.500	99,6	127,5	74.000	79,7	80,0
5	Chi sự nghiệp kinh tế	2.794.274	9.169.185	328,1	3.609,9	335.000	12,0	3,7
6	Sự nghiệp môi trường					138.569		
7	Chi sự nghiệp xã hội	435.575	439.405	100,9	99,2	459.000	105,4	104,5
7.1	Chi đảm bảo xã hội	367.067	346.540	94,4		72.000	19,6	20,8
7.2	Chi phụ cấp hưu cơ sở	68.508	92.865	135,6		387.000	564,9	416,7
8	Chi quản lý hành chính	5.663.471	6.085.585	107,5	106,6	5.008.431	88,4	82,3
8.1	Đảng cộng sản Việt Nam	709.120	689.513	97,2	98,1	153.400	21,6	22,2
8.2	Hội đồng nhân dân	233.619	226.226	96,8	66,6	213.000	91,2	94,2
8.3	Quản lý nhà nước	3.636.932	4.055.352	111,5	112,1	4.469.031	122,9	110,2
8.4	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	361.640	384.324	106,3	120,2	104.140	28,8	27,1
8.5	Đoàn Thanh niên CSHCM	161.490	162.718	100,8	88,3	20.890	12,9	12,8
8.6	Hội liên hiệp phụ nữ VN	139.190	135.386	97,3	108,6	10.890	7,8	8,0
8.7	Hội cựu chiến binh Việt Nam	119.690	124.992	104,4	68,3	10.890	9,1	8,7
8.8	Hội nông dân Việt Nam	206.190	207.449	100,6	141,2	10.890	5,3	5,2
8.9	Hội chữ thập đỏ	23.650	23.450	99,2	105,9	7.650	32,3	32,6
8.10	Hội Người cao tuổi	71.950	76.175	105,9	107,8	7.650	10,6	10,0
9	Chi khác ngân sách	24.000	23.940	99,8	6,6	24.000	100,0	100,3
10	Chi nguồn cải cách tiền lương	1.014.900	848.000	83,6		250.000	24,6	29,5
III	CHI DỰ PHÒNG:	117.000				204.000	174,4	

BIỂU DỰ TOÁN CHI TIẾT NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2024	Tiết kiệm chi	Dự toán được chi
TỔNG CHI NGÂN SÁCH		9.251.319	152.000	9.099.319
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB	1.692.319	0	1.692.319
1	Chi trả nợ các công trình đầu tư giai đoạn 2018-2023	1.692.319	0	1.692.319
1.1	Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Tân Mỹ	602.184		602.184
1.2	Xây dựng nhà văn hoá thôn Miếu, xã Tân Mỹ	10.958		10.958
1.3	Xây dựng nhà văn hoá thôn Ba, xã Tân Mỹ	300.000		300.000
1.4	Tu bổ chống xuống cấp di tích đình Phụng Pháp, xã Tân Mỹ (2018)	429.177		429.177
1.5	Tu bổ chống xuống cấp di tích đình Phụng Pháp, xã Tân Mỹ (2020)	350.000		350.000
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	7.355.000	152.000	7.203.000
1	Công tác Quốc phòng - An ninh	665.000	18.000	647.000
-	Chi công tác An ninh	98.000	9.800	88.200
-	Hỗ trợ Đội trưởng, đội phó dân phòng theo NQ số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh	175.000	0	175.000
-	Chi công tác Quân sự	392.000	8.200	383.800
+	Chi công tác huấn luyện, tiền ăn, phụ cấp	310.000		310.000
+	Chi hoạt động thường xuyên	82.000	8.200	73.800
2	Chi SN văn hóa, thông tin	219.000	20.000	199.000
-	Công tác văn hóa TT	219.000	20.000	199.000
3	Chi hoạt động đài truyền thanh	74.000	6.000	68.000
-	Chi hoạt động của đài truyền thanh	74.000	6.000	68.000
4	Chi sự nghiệp TDTT	81.000	7.000	74.000
-	Chi sự nghiệp TDTT	81.000	7.000	74.000
5	Chi NS kinh tế:	357.000	22.000	335.000
5.1	Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp (bao gồm cả thú y)	75.000		75.000
5.2	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	220.000	22.000	198.000

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2024	Tiết kiệm chi	Dự toán được chi
5.3	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	62.000		62.000
6	Sự nghiệp môi trường	141.569	3.000	138.569
6.1	Hoạt động thực hiện chủ nhật xanh	42.000	3.000	39.000
6.2	Chi ga rác thôn Miếu, thôn Phố	99.569		99.569
7	Chi đảm bảo xã hội	467.000	8.000	459.000
7.1	Chi đảm bảo xã hội	80.000	8.000	72.000
7.2	Chi phụ cấp hưu cơ sở	387.000	0	387.000
8	Chi quản lý hành chính	5.076.431	68.000	5.008.431
8.1	Đảng cộng sản Việt Nam	154.000	600	153.400
-	Kinh phí hoạt động của UBKT	6.000	600	5.400
-	Hỗ trợ công tác Đảng (Theo QĐ 99 của BCH TW Đảng)	148.000	0	148.000
+	<i>Phụ cấp Cấp uỷ</i>	<i>91.000</i>		<i>91.000</i>
+	<i>Hỗ trợ hoạt động thường xuyên..</i>	<i>57.000</i>		<i>57.000</i>
8.2	Công tác HDND xã	218.000	5.000	213.000
-	Phụ cấp, bảo hiểm đại biểu HDND	168.000	0	168.000
-	Chi hoạt động của HDND xã	50.000	5.000	45.000
8.3	Quản lý nhà nước	4.523.431	54.400	4.469.031
-	Lương, phụ cấp CBCCV, CB bán chuyên, CB không chuyên trách, trả công cán bộ hợp đồng, bảo hiểm	3.979.431	0	3.979.431
-	Chi hoạt động quản lý hành chính, thường xuyên	544.000	54.400	489.600
8.4	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	105.600	1.460	104.140
-	Hoạt động của MTTQ	14.600	1.460	13.140
-	Chi hoạt động của ban Thanh tra ND và GSCĐ (cụ thể: ban Thanh tra ND 6tr và GSCĐ 10tr)	16.000		16.000
-	Chi KP thực hiện cuộc vận động" toàn dân ĐK xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" cụ thể: (MTTQ 20tr;11 ban MTTQ 55tr)	75.000		75.000
8.5	Đoàn Thanh niên CSHCM	22.100	1.210	20.890
-	Chi hoạt động Đoàn TNCS HCM	12.100	1.210	10.890
-	Chi các hoạt động hè	10.000		10.000
8.6	Hội Liên hiệp Phụ nữ	12.100	1.210	10.890
-	Hoạt động của Hội LHPN	12.100	1.210	10.890
8.7	Hội Nông dân	12.100	1.210	10.890
-	Hoạt động của Hội nông dân	12.100	1.210	10.890

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2024	Tiết kiệm chi	Dự toán được chi
8.8	Hội Cựu chiến binh	12.100	1.210	10.890
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	12.100	1.210	10.890
8.9	Chi hoạt động Chữ thập đỏ	8.500	850	7.650
-	Chi hoạt động hội chữ thập đỏ	8.500	850	7.650
8.10	Chi hoạt động hội NCT	8.500	850	7.650
-	Chi hoạt động hội Người cao tuổi	8.500	850	7.650
9	Chi khác	24.000		24.000
10	Chi nguồn cải cách tiền lương	250.000		250.000
III	CHI DỰ PHÒNG:	204.000		204.000